

của Canada, có hay không có lưới giảm phát. Trong xu hướng phát triển gần đây, mô hình của Canada bắt đầu trở thành tiêu chuẩn, hình mẫu cho các nước có thị trường TIPS. Một số nước chuyển hẳn sang mô hình này như nước Anh (áp dụng cho những trái phiếu phát hành trong giai đoạn gần đây); một số nước khác tuy không áp dụng hoàn toàn nhưng có những điều chỉnh tương tự mô hình Canada như Chile,...(Barclays, 2010).

(2) Hoàn thiện thể chế: Trong giai đoạn đầu chuẩn bị, các quy định về kế toán, thuế, đặc biệt là các quy định về chỉ số hoá cần phải được ban hành và hoàn thiện dần theo thời gian. Kinh nghiệm của nước Pháp minh họa rõ điều này. Luật cấm kinh doanh chỉ số hoá năm 1958 được bãi bỏ, tiếp theo là các quy định về kế toán và thuế được ban hành sau một thời gian dài xây dựng đã mở đường cho thị trường TIPS hình thành vào năm 1998 (Cuere, 2004).

(3) Đào tạo về sản phẩm: Theo Supple (2004), việc đào tạo về sản phẩm mới này rất quan trọng. Việc đào tạo nếu được tiến hành một cách cẩn thận thì sẽ thu hút được rất nhiều sự quan tâm của các thành viên thị trường về sản phẩm này. Kinh nghiệm của Nam Phi cho thấy rõ điều này. Đợt đầu giá TIPS lần đầu tiên chỉ huy động được được 400 triệu XAR, trong khi mục tiêu là 1 tỷ ZAR. Sự thất bại này được giải thích do công việc chuẩn bị về kiến thức cũng như các công cụ định giá không tốt nên đợt phát hành lần đầu tiên của họ không thành công.

Kết luận

Như vậy, với phân tích trên, TIPS là một công cụ cần thiết để hạn chế rủi ro lạm phát trong hoạt động đầu tư vào thị trường trái phiếu. Điều này đặc biệt hữu ích đối với các thị trường đang phát triển như VN. Việc hình thành thị trường TIPS không những giúp giải quyết được bài toán phát hành mà còn cung cấp cho nhà đầu tư một công cụ bảo vệ rủi ro cho các khoản đầu tư trước biến động của lạm phát. Dựa vào kinh nghiệm từ các nước khác, việc hình thành và phát triển thị trường TIPS tại VN cần đảm bảo được những điều kiện cần đã đề cập ở trên, đồng thời, cần cải thiện thị trường trái phiếu theo hướng làm giảm rủi ro và tăng cường tính minh bạch hơn của thị trường●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Barclays Capital (2010), *Global Inflation Linked Products*.
- Boumans (2009), *A Conditional Assessment of the Integration of the Inflation Linked Bond Market with the Stock and Nominal Bond Markets*.
- Coeure (2004), *Building a Market: Euro Dominated Inflation Linked Bonds*.
- Deacon, Derry, Mirfendereski (2004), *Inflation Indexed Securities*.
- Dudley, Roush, Ezer (2009), *The Case for TIPS*.
- Goldman Sachs (2010), *A Reference Guide to TIPS*.
- Iyer, Bender (2010), *Investing in Inflation Protection*.
- JP Morgan (1996), *Introducing Inflation Protected Bonds*.
- Shen (1998), *Features and Risks of Treasury Inflation Protection Securities*.
- Supple (2004), *The Role of Inflation Linked Bonds in Emerging Markets*.
- Vanguard (2006), *Investing in TIPS*.

Phát triển nông nghiệp nông thôn là một chủ trương lớn của Đảng và là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

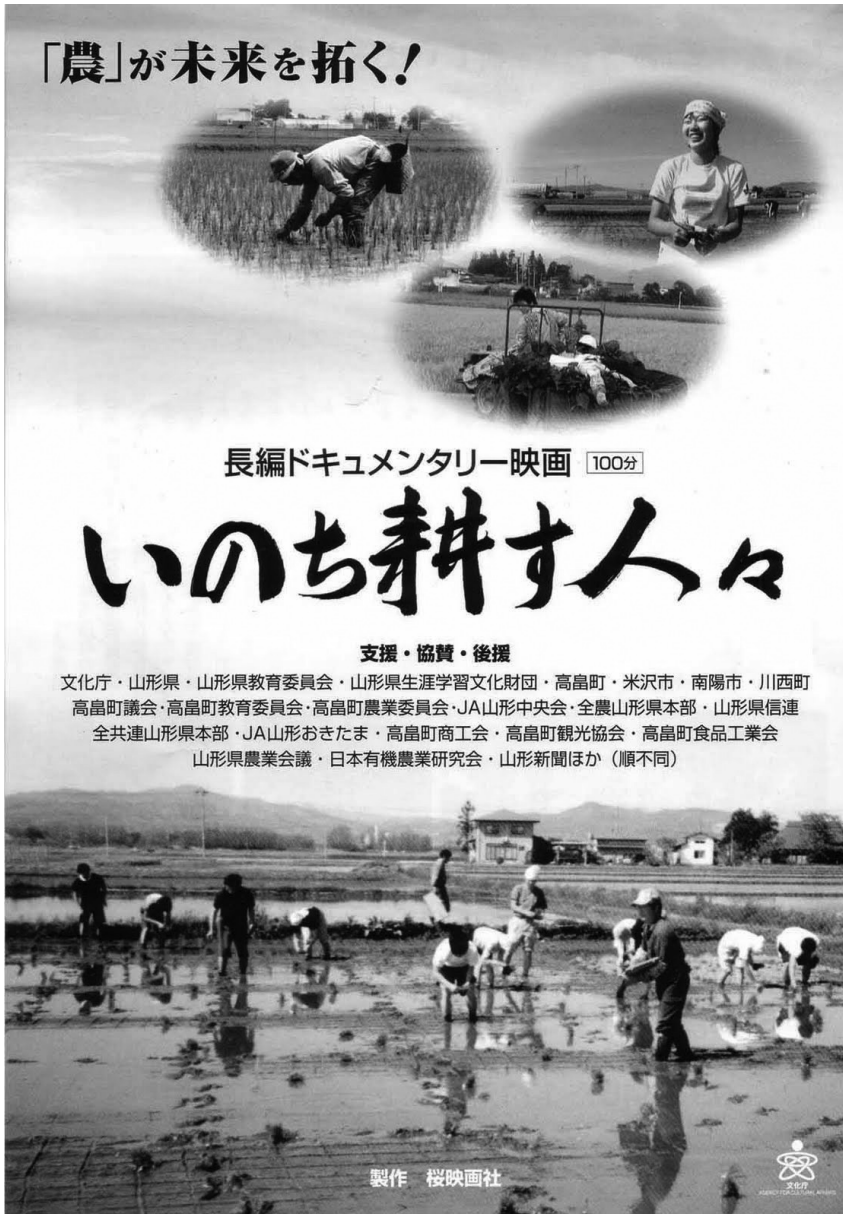
Ở VN, vấn đề nông nghiệp nông thôn có vị trí đặc biệt quan trọng trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản VN. Từ khi cầm quyền đến nay, Đảng ta rất quan tâm giải quyết vấn đề này

Kinh nghiệm của thế giới về phát triển nông nghiệp nông thôn

TS. PHẠM THẮNG

ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

nên nông nghiệp, nông thôn đã có những bước tiến đáng kể: từ chỗ phải nhập lương thực bình quân gần 1 triệu tấn/năm (thời kỳ trước 1989), thì cuối năm 1989, VN đã xuất khẩu được 1,4 triệu tấn gạo, đứng vào vị trí thứ 3 thế giới các nước xuất khẩu gạo (Thái Lan, Mỹ, VN). Đến nay, hàng năm VN xuất khẩu trên dưới 6 triệu tấn, trở thành quốc gia thứ 2 về xuất khẩu gạo. Cùng với sự gia tăng của sản xuất nông nghiệp, quan hệ sản xuất trong lĩnh vực này cũng từng bước thay đổi phù hợp với yêu cầu phát triển của sản xuất



phát triển nông thôn, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội – 2002); *Đột phá chính sách nông nghiệp nông thôn và nông dân trong giai đoạn hiện nay* (TS. Hoàng Xuân Nghĩa, Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường); *Kinh tế nông thôn trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở VN* (Chương XII – *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội – 2006); *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc, thực trạng và giải pháp* (PGS.TS. Đỗ Tiến Sâm chủ biên, Viện khoa học xã hội VN, Viện Nghiên cứu Trung Quốc, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội – 3/2008)... Nhìn chung những nghiên cứu nói trên đều dừng lại ở việc đề xuất những phương hướng chủ trương và giải pháp có tính nguyên tắc, mà chưa nêu lên những giải pháp cụ thể. Bài viết này sẽ phân tích kinh nghiệm của một vài quốc gia và vùng lãnh thổ, từ đó nêu lên những gợi ý cụ thể về vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn VN hiện nay.

Bằng phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh – đối chiếu và diễn dịch – quy nạp, tác giả bài viết này dựa vào nguồn tài liệu, số liệu của các nghiên cứu nói trên để làm kết luận của mình khi xem xét một số mô hình phát triển nông nghiệp nông thôn của thế giới.

Xét về bản chất, phát triển nông nghiệp nông thôn thực chất là quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn. Quá trình này diễn ra khá thuận lợi ở các nước Tây Âu. Sở dĩ như vậy, là do “họ có thị trường tiêu thụ rộng lớn và nguồn cung cấp tài nguyên, lao động của các nước thuộc địa; nông nghiệp có điều kiện áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật... Các ngành công nghiệp hóa nông thôn phát triển không bị

nông nghiệp hàng hóa. Tuy nhiên, nông nghiệp nông thôn nước ta vẫn còn một số tồn tại và khuyết điểm: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn bất hợp lý, dịch chuyển chậm, công nghiệp nông thôn nhỏ yếu, lao động chủ yếu là thủ công, năng suất thấp, trình độ khoa học – công nghệ lạc hậu, chất lượng sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm thấp, ngành nghề dịch vụ chưa thu hút nhiều lao động, một bộ phận không nhỏ nông dân, đặc biệt là nông dân ở vùng sâu, cao, căn cứ

cách mạng, đời sống rất khó khăn. Nếu cứ để tình trạng này kéo dài sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường. Cho nên tìm giải pháp cho vấn đề này vẫn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Bài viết này muốn đóng góp một ý kiến nhỏ về vấn đề trên.

Về vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn đã có nhiều nghiên cứu: *Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn VN* (Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương, Bộ Nông nghiệp và

công nghiệp đô thị và công nghiệp nước ngoài cạnh tranh.” (Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, *Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn VN*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội – 2002). Cho nên về đại thể, chúng ta khó có thể vận dụng kinh nghiệm của mô hình này. Vì đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội... của chúng ta hoàn toàn khác biệt.

Còn công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đã diễn ra khá thành công ở các nền kinh tế Đông Á trong vài thập kỷ qua. Ở Nhật, từ thời kỳ Minh Trị đã thành công hàng loạt biện pháp chiến lược đúng đắn về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Đồng thời, Nhật Bản cũng là quốc gia tiến hành cải cách kinh tế sớm nhất ở châu Á trong việc quá độ từ một nền kinh tế phong kiến tiểu nông. Mô hình các nước và vùng lãnh thổ Đông Á như Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông, Đài Loan, Thái Lan chỉ mất trên dưới 30 năm (từ đầu thập niên 1960 đến cuối thập niên 1980) để biến mình thành những nước công nghiệp mới của thế giới (NICs). Quá trình phát triển nông nghiệp nông thôn của họ có nhiều bài học bổ ích cho việc hoạch định chính sách của chúng ta.

Mô hình Trung Quốc được

coi là khá gần gũi đối với chúng ta trên nhiều lĩnh vực. Trước hết, Trung Quốc cũng đang trong quá trình chuyển đổi kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ sang cơ chế thị trường. “Công cuộc cải cách kinh tế của họ cũng bắt đầu từ những cải cách trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn sau đó lan sang các lĩnh vực ngân hàng, thương mại” (Sdd). Điểm nổi bật trong quá trình phát triển nông nghiệp nông thôn ở Trung Quốc, là “sản nghiệp hóa nông nghiệp” hay “ngành nghề hóa nông nghiệp”.

Sau đây là những kinh nghiệm có thể rút ra từ việc tham khảo các mô hình phát triển nông nghiệp nông thôn của Nhật Bản và Trung Quốc, Thái Lan.

1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

Nằm trong nhóm nước đầu tiên trên thế giới và là nước đầu tiên ở châu Á tiến hành công nghiệp hóa. Cho nên quá trình này phải kéo dài cả một thế kỷ. Không chỉ thành công trong lĩnh vực công nghiệp hóa mà Nhật Bản còn rất thành công trong phát triển nông nghiệp nông thôn để tạo ra một “sân sau” vững chắc, an toàn, ổn định cho công nghiệp hóa. Về phát triển nông nghiệp nông thôn có thể nêu lên những kinh nghiệm sau đây:

1.1. Thực hiện chính sách duy trì đơn vị sản xuất nông nghiệp chính vẫn là các hộ gia đình nhỏ,

mang đậm tính chất của nền văn hóa lúa nước.

- Điều kiện thứ nhất để thực hiện chính sách này là phải tăng năng suất lao động của nền nông nghiệp tiểu nông. Muốn vậy nông nghiệp phải sản xuất theo chiều sâu, phải áp dụng hàng loạt biện pháp thâm canh trong nông nghiệp. Ngay cả khi tăng trưởng nông nghiệp đã đạt tới điểm ranh giới, tức là càng đầu tư thâm canh, lợi nhuận càng giảm, thì Nhật Bản đã chuyển hướng “lấy nông nghiệp thuộc địa nuôi công nghiệp chính quốc”. Đó là việc thâm canh để tăng sản lượng ở hai thuộc địa Triều Tiên và Đài Loan.

- Điều kiện thứ hai để duy trì đơn vị sản xuất nông nghiệp chính là các hộ gia đình nhỏ, đó là việc duy trì giá lương thực cao. Ngay cả khi bị dồn vào chân tường: thất bại trong chiến tranh thế giới lần thứ II, khi Nhật Bản không còn duy trì được hệ thống thuộc địa, họ vẫn kiên trì chính sách giữ giá nông sản cao, để khuyến khích nông dân, giữ chân họ ở lại làm việc tại nông thôn. Việc duy trì giá nông sản cao đã dẫn đến một kết quả “kép”, đó là nông dân không chạy về thành phố để kiếm sống, mà còn mở rộng sản xuất nông nghiệp để vượt qua khủng hoảng thời hậu chiến.

1.2. Thực hiện đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa nông thôn, gắn nông nghiệp với công nghiệp,



gắn nông thôn với thành thị. Công nghiệp hóa nông nghiệp không chỉ làm tăng năng suất lao động nông nghiệp, mà còn giải phóng lao động nông nghiệp để sản xuất ở những ngành nghề phi nông nghiệp. Điều đó không chỉ có ý nghĩa làm tăng thu nhập cho nông dân, mà còn thu hút lao động “nông nhân”, đội quân tiềm tàng của nạn thất nghiệp, vào việc tạo ra sản phẩm cho xã hội.

Như vậy, công nghiệp hóa nông nghiệp đã làm gia tăng thu nhập của nông dân ngoài nông nghiệp do việc đưa máy móc về nông thôn không ngừng tăng lên: “Năm 1920 tỷ lệ tăng này là 45%, năm 1935 là 54%, 1960 là 66%” (Sdd). Một thống kê đã gây bất ngờ các nhà nghiên cứu và dư luận là: “Tính cả thu nhập từ nông nghiệp và phi nông nghiệp, thu nhập của nông dân tính bình quân đầu người hay bình quân hộ đều cao hơn công nhân ở đô thị” (Sdd). Và kết quả tất yếu là rất ít nông dân Nhật Bản bỏ nông thôn chạy ra thành phố. Nếu nói về thành công trong việc thực hiện để nông dân “ly nông mà không ly hương” thì Nhật Bản là một mẫu mực.

1.3. Mạnh dạn nhập khẩu công nghệ và chất xám, khôn khéo sử dụng doanh nghiệp nhà nước. Cho đến bây giờ, Nhật Bản vẫn là một quốc gia quân chủ cho đến ngày nay. Nhưng ở thế kỷ XVIII, Nhật Bản đã mở cửa để đón làn sóng công nghiệp hóa của thế giới (trong khi hầu hết các quốc gia quân chủ khác ở châu Á lại tìm cách đóng cửa để ngăn cản làn sóng này). Sở dĩ như vậy, là vì người Nhật đã mạnh dạn nhập khẩu công nghệ và chất xám của thế giới. Ngay từ năm 1870, Nhật Bản đã nhập khẩu hàng loạt máy dệt lụa, xe sợi dệt vải, sản xuất thép và cơ khí chế

tạo. Đây là những ngành sử dụng nhiều lao động và tài nguyên. Năm 1890, 3000 chuyên gia ngoại quốc làm cố vấn cho chính phủ. “Khi Phan Bội Châu lập ra đội Duy Tân cử 200 thanh niên VN sang Nhật học tập (1905 – 1908) thì tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đã đạt 97%. Nhờ đó mà Nhật Bản đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học từ thập kỷ 80 – 90 của thế kỷ XIX” (Sdd). Đây là điều kiện tiên quyết để tiếp thu công nghệ. VN mới chỉ hoàn tất việc này năm 2000 vừa qua.

Nhật Bản cũng là một trong số ít quốc gia thực hiện cưỡng chế giáo dục tiểu học. Luật này được thực hiện nghiêm đến nỗi trẻ em trong độ tuổi tiểu học nếu trong giờ hành chính đi lang thang thì chúng sẽ được đưa về đồn cảnh sát, nhà đương cục mời phụ huynh đến nhận và đưa chúng đi học, còn phụ huynh phải ngồi tù vì đã vi phạm luật giáo dục.

Về việc áp dụng công nghệ mới, chính phủ Nhật đã có một cách làm khôn khéo, là thành lập các doanh nghiệp Nhà nước và chính các doanh nghiệp này đi tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ mới ở phương Tây và làm nòng cốt trong việc hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mới có tính mũi nhọn kể cả ngành nông nghiệp. Mặc dù hầu hết các doanh nghiệp nhà nước đều thua lỗ, nhưng lại thành công ở chỗ là họ gánh mọi rủi ro và là người “dò mìn” cho các doanh nghiệp tư nhân khác. Khi mọi việc đã rõ ràng thì các doanh nghiệp khác hoàn toàn yên tâm để đầu tư sản xuất, còn “các doanh nghiệp Nhà nước thì được tư nhân hóa, ngoại trừ các doanh nghiệp sản xuất vũ khí” (Sdd). Tuy nhiên, việc làm này có thuận lợi cơ bản là lúc này chưa

thực hiện luật bản quyền.

2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Ngày nay, Trung Quốc đã trở thành một quốc gia hoàn toàn khác so với những gì mà Trung Quốc ở vào giai đoạn sau Cách mạng tháng 10 năm 1949 và sau cuộc Đại cách mạng văn hóa. Đó là kết quả của công cuộc đổi mới mở cửa từ 1979 do Đặng Tiểu Bình khởi xướng. Thành công của công cuộc đổi mới này có đóng góp không nhỏ từ những thành công của việc phát triển nông nghiệp nông thôn. Có thể nêu lên một số kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc phát triển nông nghiệp nông thôn như sau:

2.1. Hình thành chế độ tổ chức kinh doanh nông nghiệp mới. Thực chất đó là “chế độ ngành nghề hóa nông nghiệp”, mà Trung Quốc gọi là “sản nghiệp hóa nông nghiệp” (Ở VN chưa có khái niệm này). Theo các chuyên gia, chế độ ngành nghề hóa nông nghiệp xuất hiện vào thập kỷ 50, thế kỷ XX, ban đầu là Mỹ, sau đó lan sang các nước châu Âu, Nhật Bản, Canada. Chế độ ngành nghề hóa nông nghiệp xuất hiện ở Trung Quốc vào cuối thập kỷ 80.

Về ngữ nghĩa, “ngành nghề hóa nông nghiệp” tức là “làm cho nông nghiệp trở thành một ngành nghề” (PGS.TS. Đỗ Tiến Sâm, *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc, thực trạng và giải pháp*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 3-2008). Trong hệ thống kinh tế quốc dân, sự phân chia ngành nghề theo tiêu chuẩn quốc tế được nhà kinh tế học người Úc A.G.Fisher nêu ra từ những năm 30 của thế kỷ XX. Dựa trên cơ sở này, các nhà kinh tế học Trung Quốc chia kết cấu ngành nghề như sau: “Các ngành có sản phẩm trực tiếp lấy từ tự nhiên, gọi là ngành nghề thứ nhất. Đó là ngành nông nghiệp bao gồm nghề trồng trọt,

nghề rừng, nghề chăn nuôi, nghề phụ và nghề cá. Các ngành thực hiện gia công lại sản phẩm sơ cấp, gọi là ngành nghề thứ hai, gồm công nghiệp và xây dựng, trong đó công nghiệp bao gồm: khai thác, chế tạo, cấp nước, điện, khí đốt, nước nóng, khí than... Ngành nghề thứ ba gồm các ngành nghề không nằm trong ngành thứ nhất và thứ hai. Do ngành nghề thứ ba có nhiều ngành, phạm vi rộng, nên có thể chia thành hai bộ phận là lưu thông và dịch vụ.” (Bành Tính Lư, Tiêu Xuân Dương, *Thị trường và ngành nghề hóa nông nghiệp*, NXB Quản lý kinh tế, Bắc Kinh, 2000).

“Để trở thành một NGÀNH NGHỀ THỰC SỰ cần phải có ba điều kiện cơ bản: Một là hình thành một tổ hợp ngành nghề, hoặc một chuỗi ngành nghề riêng; Hai là (tổ hợp ngành nghề, hoặc một chuỗi ngành nghề riêng – Tác giả) phải có hiệu quả và quy mô nhất định để có thể sắp xếp tối ưu hoặc lợi dụng hợp lý các nguồn lực; Ba là có thể làm cho ngành nghề đó (hoặc một chuỗi ngành nghề riêng – Tác giả) không ngừng nâng cấp và phát triển liên tục, tức là phải có sức sống và tuổi thọ nhất định.” (Sđd) Cùng theo các tác giả này, ngành nghề hóa nông nghiệp ở Trung Quốc thể hiện dưới năm hình thức chủ yếu sau đây:

(1) “Công ty + nông hộ, công ty đóng vai trò “đầu tàu”, nông hộ đóng vai trò “toa tàu” tạo thành một thực thể kinh tế từ sản xuất -> chế biến -> tiêu thụ, trong đó, sự liên kết này được thể hiện bằng hợp đồng ràng buộc giữa “đầu tàu” và “toa tàu” theo nguyên tắc lợi nhuận cùng hưởng, rủi ro cùng chịu.

(2) Hợp tác xã + nông hộ. Ở đây, các hợp tác xã (chủ yếu là hợp

tác xã dịch vụ) liên kết với đông đảo các nông hộ đảm nhận các khâu sản xuất -> chế biến -> tiêu thụ.

(3) Hội kỹ thuật chuyên ngành nông nghiệp + nông hộ. Hội cung cấp thông tin khoa học kỹ thuật, kỹ thuật sản xuất, tư liệu sản xuất, vận chuyển, tiêu thụ, đưa nông dân tiếp cận thị trường.

(4) Trang trại + nông hộ. Trang trại có thể do một hoặc nhiều hộ, hoặc các hợp tác xã, hoặc các công ty hợp thành, hoạt động theo kiểu hình thành những ngành nghề chủ đạo, tiến tới chuyên môn hóa, quy mô hóa.

(5) Thị trường bán buôn chuyên ngành + nông hộ. Thị trường này hướng dẫn nông hộ điều chỉnh sản xuất theo nhu cầu của thị trường, phục vụ các khâu trước, trong và sau sản xuất của nông hộ.” (Sđd)

Có thể thấy rằng dù thể hiện dưới hình thức nào, nông hộ cũng được hướng dẫn, che chở, giúp đỡ để khó xảy ra tình trạng “được mùa thì rớt giá, được giá thì mất mùa” như ở một số nơi khác.

2.2. Đổi mới chế độ ruộng đất:

Việc đổi mới này, theo các chuyên gia, phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

(1) Phải coi ruộng đất là hàng hóa, có giá trị sử dụng đặc biệt và giá trị, là yếu tố sản xuất chủ yếu nhất, cơ bản nhất trong sản xuất nông nghiệp. Việc trao đổi hàng hóa này cũng phải tuân thủ nguyên tắc: Ngang giá thông qua tiền tệ.

(2) Làm cho quyền sở hữu yếu đi, quyền sử dụng tăng lên. Quyền sở hữu thuộc “nhóm dân thôn”; quyền sử dụng thuộc nông hộ.

(3) Giảm bớt chức năng chính trị xã hội của ruộng đất, tăng cường sử dụng hiệu quả sử dụng đất. Chức năng chính trị xã hội của ruộng đất

thể hiện chủ yếu trong giai đoạn đầu của chế độ khoán để giải quyết nhu cầu về “cái ăn”. Sau khi nhu cầu này căn bản đã được giải quyết thì nhu cầu “làm giàu” tăng lên. Điều đó đòi hỏi phải đề cao chức năng kinh tế của đất – chức năng sử dụng.

(4) Phải có lợi cho kinh doanh quy mô lớn. Kinh doanh tiểu nông đất đai manh mún, không phù hợp và là một cản trở đối với chế độ ngành nghề hóa nông nghiệp. Do vậy, theo các học giả Trung Quốc, để đảm bảo thực hiện đổi mới chế độ ruộng đất đạt kết quả tốt, cần phải tìm kiếm một hình thức kinh tế phù hợp để lưu chuyển và kinh doanh ruộng đất tương ứng trong điều kiện hiện nay và đã đưa ra nhận định: “cần áp dụng chế độ cổ phần ruộng đất, một loại hình hợp tác kinh tế nông thôn kiểu mới” (Sđd).

Theo chế độ này (chế độ cổ phần ruộng đất) thì “nông hộ ký kết với thôn hành chính hoặc thôn tự nhiên, tập hợp ruộng đất khoán của mình dưới hình thức cổ phần, và kinh doanh theo kiểu công ty.” (Sđd)...

3. Kết luận và kiến nghị

Không có một mô hình chung và cách làm giống nhau cho tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế. Nhưng việc phân tích kinh nghiệm thành công của Nhật Bản và Trung Quốc về phát triển nông nghiệp nông thôn gợi lên những vấn đề có thể đi đến kết luận như sau:

3.1. Không nên đảo lộn tập quán canh tác truyền thống của nông dân một cách vội vã. Như chúng ta đều biết “Nhà nông” hay “Nông hộ” hay “Hộ gia đình” là đơn vị sản xuất nông nghiệp từng tồn tại từ

khi xuất hiện nền “văn minh lúa nước”. Sự tồn tại đơn vị sản xuất nông nghiệp kiểu này dường như đã trở thành máu thịt của nông dân nông thôn. Đơn vị sản xuất này đã trở thành một “pháo đài” có thể tự cung, tự cấp để duy trì đời sống của các thế hệ nông dân, và để bảo vệ họ trước mọi tấn công của thiên tai... Do đó, xóa bỏ nó quá vội vã để thành lập các đơn vị sản xuất nông nghiệp theo kiểu khác mà họ chưa có sự chuẩn bị, tập dượt để làm quen là điều không thể đối với họ. Muốn thay đổi mô hình sản xuất truyền thống, hãy tập dượt để họ làm quen và nhất thiết phải có thời gian quá độ để họ thay đổi thói quen. Những “bài tập” hay sẽ có thể rút ngắn được thời gian để họ ứng phó có hiệu quả với cách làm ăn mới. V.I.Lenine đã chỉ rõ, đại ý như sau: Hãy để cho người nông dân tự suy nghĩ trên luống cày của mình, khi nào họ cảm thấy làm ăn tập thể có lợi, thì mời họ vào hợp tác xã, khi nào họ thấy bất lợi hãy để họ ra khỏi hợp tác xã.

3.2. Phải giúp đỡ về mặt tổ chức, về mặt tài chính và phải “đem công xưởng đến cho nông dân, chứ không phải để nông dân bơ vơ đi tìm công xưởng” (V.I.Lenine). Như ở trên đã phân tích, hộ gia đình là đơn vị sản xuất đã từng tồn tại và sẽ vẫn tồn tại là cần thiết và tất yếu. Nhưng trong điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, chính trị đã có nhiều thay đổi, thì kinh tế hộ gia đình cũng phải có sự thay đổi để thích ứng. Sự thay đổi của hộ gia đình trước hết phải dựa vào sự giúp đỡ của Nhà nước. Đó là sự giúp đỡ về tổ chức sản xuất theo hình thức nào để nông dân có thể thích nghi được. Không thể tập thể hóa một cách ồ ạt rồi sau đó đưa nông dân vào hợp tác xã bậc cao, mọi sinh

hoạt đều nhất nhất tuân theo mệnh lệnh, giống như một trại lính. Nông hộ cũng rất cần vay vốn để sản xuất nhưng là vốn vay ưu đãi: lãi suất thấp hoặc không lãi suất, với thời hạn và số lượng phù hợp với quy mô sản xuất, điều kiện sinh trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi. Các lớp tập huấn về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đặc biệt là khuyến công là rất cần thiết để Nhà nước đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp.



Công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn mà Đảng và Nhà nước đang thực hiện là một chủ trương đúng đắn và cần thiết. Song như mọi người đều biết: Chủ trương là một, biện pháp phải là mười, và quyết tâm phải là hai mươi... Nếu có chủ trương đúng mà thiếu giải pháp khả thi, hoặc có chủ trương đúng, giải pháp khả thi, mà thiếu quyết tâm theo kiểu “đầu voi đuôi chuột”, “đánh trống bỏ dùi”, thì chẳng khi nào chủ trương đi vào cuộc sống. Nếu làm tốt việc tổ chức, giúp đỡ nông hộ và chủ động, tích cực đem công xưởng đến nông dân, thì nông dân mới có thể yên tâm sống và làm giàu trên mảnh đất của họ. Còn phần lớn

những nông dân khác không làm nông nghiệp do kết quả của việc cơ giới hóa nông nghiệp, sẽ trở thành công nhân tại các nhà máy chế biến ở nông thôn. Đó là những nông dân “ly nông không ly hương”, không tạo ra sức ép về dân số và nhiều hệ lụy xấu cho các thành phố và đô thị phải gánh chịu như hiện nay.

3.3. Mạnh dạn chuyển giao công nghệ và chất xám thuộc lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn. Trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn, VN có rất nhiều lợi thế. Nhưng đó là lợi thế của phát triển nông nghiệp nông thôn theo chiều rộng. Là một quốc gia xuất khẩu nông sản ở vào vị trí tâm cỡ thế giới (thứ I thế giới về xuất khẩu hạt tiêu và hạt điều, thứ II về xuất khẩu cao su, lúa gạo, cà phê), nhưng kim ngạch xuất khẩu thấp vì chủ yếu là xuất khẩu sản phẩm thô. Để cải thiện tình hình này không có con đường nào khác là phải gia tăng hàm lượng khoa học công nghệ của nông sản bằng cách tích cực ứng dụng những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Muốn vậy phải có chiến lược khoa học công nghệ nói chung và chiến lược khoa học công nghệ phát triển nông nghiệp nông thôn nói riêng đúng đắn và sau đó phải mạnh dạn thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ và chất xám. Chúng ta rất cần có những khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tất nhiên các khu vực này phải do Nhà nước tổ chức quản lý, thí nghiệm sản xuất thử..., để sau đó có thể cung cấp các loại cây, con giống tốt, đáp ứng được nhu cầu sản xuất, tiêu thụ ở thị trường trong nước và thị trường thế giới. VN cũng cần và có thể xuất khẩu phương pháp canh tác và chuyên gia trong lĩnh

vực sản xuất lúa nước.

3.4. Tăng cường vai trò của cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn, đẩy mạnh phong trào học tập để nâng cao trình độ của cá nhân và tập thể bằng việc mở các khóa bồi dưỡng kiến thức trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn; Tăng cường công tác bảo hiểm xã hội cho nông dân. “Giáo dục đào tạo cũng phải hướng vào phát triển nông nghiệp nông thôn với các chương trình đào tạo phát triển kỹ năng cho nông dân và người quản lý đất đai, bảo vệ môi trường, quản lý kinh doanh và an toàn sức khỏe.” (Đặng Kim Oanh, “Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn ở một số nước châu Á”, Tạp chí *Cộng sản*, số 10 (202) năm 2010).

Một số kiến nghị:

(1) Cần duy trì lâu dài, ổn định nông hộ là đơn vị sản xuất cơ bản trong chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn. Vì nông hộ được coi là “tế bào” của nông nghiệp, nông thôn. Sự phát triển đột biến của tế bào này sẽ dẫn đến hiện tượng “ung thư” xã hội, trước hết là khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Tất nhiên, sự vận động và phát triển hợp quy luật của nông hộ dưới tác động của quy luật phân công và hiệp tác lao động, nông hộ có thể tiến tới nông trang, nông trại, công ty.

(2) Cần thực hiện chính sách “Ưu đãi nông nghiệp, nông thôn, nông dân” để ổn định chính trị, xã hội. Vì nông dân ở VN chiếm đại bộ phận dân cư, sống chủ yếu ở nông thôn – nơi có điều kiện sống, học tập, giải trí... kém hơn so với thành thị, lao động trong lĩnh vực nông nghiệp nặng nhọc, độc hại,

chịu nhiều rủi ro, dẫn đến kết quả là đời sống vừa khó khăn vừa bất ổn. Nếu thiếu sự ưu đãi cần thiết của chính phủ, họ sẽ làm mọi việc để sống. Cuộc nổi loạn của những người “áo đỏ” ở Thái Lan hiện nay là kết quả của phân hóa giàu nghèo mà chính sách chính phủ Thái đã không phân phối hợp lý kết quả tăng trưởng, mà 55 triệu nông dân là người chịu thiệt thòi nhất. Đó là bài học của một đất nước, được coi là một tấm gương sáng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại nông nghiệp, nông thôn.

(3) Nhà nước phải có chính sách đúng đắn để hướng dẫn, giúp đỡ về: Tổ chức, tài chính, khoa học kỹ thuật công nghệ cho nông dân. Tuy nhiên, có chính sách đúng đắn vẫn là chưa đủ, quan trọng và quyết định là phải thực hiện chính sách với một quyết tâm cao, đầy thiện chí. Nói như mọi người thường nói là “phải thực hiện quyết liệt”. Có như vậy phát triển nông nghiệp nông thôn mới đạt kết quả như mong đợi.

(4) Phải đẩy nhanh việc sửa đổi Luật đất đai và tuyên truyền, thảo luận, góp ý trong nhân dân để thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn theo hướng chuyên canh các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thâm canh, áp dụng cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp. Chủ trương dồn điền đổi thửa của Đảng là nhằm phát triển nông nghiệp nông thôn theo hướng đó. Hơn 10 năm thực hiện chủ trương này đã xuất hiện một số điển hình, như huyện Tiên Du, Bắc Ninh đã có những vùng chuyên canh mà hiệu quả sản xuất nông nghiệp có bước đột phá: “Vùng trồng khoai tây ở Việt Hùng, Quế Võ, doanh thu 45-

55 triệu đồng/ 1 ha/ 1 vụ; chuyên rau ở Hòa Đình (TP. Bắc Ninh) đạt 160-170 triệu đồng/ ha/ năm; hoa cây cảnh ở Phú Lâm (Tiên Du) trên 200 triệu đồng/ ha/ năm. Đặc biệt mô hình trồng hoa công nghệ cao ở Đình Bảng (Từ Sơn) doanh thu 500 triệu đồng/ ha/ năm.” (ThS. Thanh Trúc: “Dồn điền đổi thửa: Sách lược của tương lai”, Báo *Thế giới & VN*, thứ năm ngày 3/7/2008). Tuy nhiên, tiến trình này diễn ra chậm chạp, bởi hạn giao đất sản xuất nông nghiệp sau năm 2013 là hết hiệu lực và việc tổ chức cho các hộ dân có đất học tập, thảo luận, góp ý... trước khi thực hiện đề án dồn điền đổi thửa còn làm có tính chất hình thức ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tư tưởng – Văn hóa trung ương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: *Con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn VN*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội – 2002
2. *Kinh tế nông thôn trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN*, Giáo trình kinh tế – chính trị Mác-Lênin, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội – 2006
3. TS. Hoàng Xuân Nghĩa: *Đột phá chính sách nông nghiệp nông thôn và nông dân trong giai đoạn hiện nay*, Viện Chiến lược, chính sách tài nguyên và môi trường.
4. PGS.TS. Đỗ Tiến Sâm, *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc thực trạng và giải pháp*, Viện khoa học xã hội VN – Viện nghiên cứu Trung Quốc, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội – 3/2008.
5. Đặng Thị Kim Oanh: “Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn ở một số nước châu Á”, Tạp chí *Cộng sản*, số 10 (202) năm 2010
6. Bành Tinh Lư, Tiêu Xuân Dương, *Thị trường và ngành nghề hóa nông nghiệp*, NXB Quản lý kinh tế, Bắc Kinh – 2000.
7. ThS. Thanh Trúc: “Dồn điền đổi thửa: Sách lược của tương lai”, Báo *Thế giới & VN*, thứ năm ngày 3/7/2008.